

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT
Ngày 23 tháng 3 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Tiến Dũng

Ông Nguyễn Quang Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Lê Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng 2 năm 2023 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Như Q, sinh năm: 1994.

TT: Thôn Đồng T, xã Quảng L, huyện Nho Q, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1994.

TT: Khu 8, xã Đào X huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ: Ông Nguyễn Đức H - Luật sư Công ty TNHH H - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Ngọc T, phường Đại M, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội

Người kháng cáo: Anh Trần Xuân Đ là bị đơn

(Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Xuân Đ ngày 11/04/2017, có sự tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào X, huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung, tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2017, chị phát hiện anh Đ chơi bời nợ nần, có qua lại với người phụ nữ

khác. Anh Đ không tu chí làm ăn, không chăm lo được cho vợ con. Đến tháng 3 năm 2021, chị cùng con về nhà ngoại sinh sống. Trong thời gian sống ly thân anh Đ không những không quan tâm chăm lo cho vợ con mà còn có về nhà ngoại ở Ninh Bình và có hành vi bạo lực đối với chị.

Từ đầu năm 2022, anh Đ không chu cấp tiền nuôi con, cũng không quan tâm đến vợ con, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Trần Xuân Đ.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bùi Như Q ngày 11/04/2017, có sự tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào X, huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung, tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận, hạnh phúc. Trong khi chung sống vợ chồng anh có cãi vã nhỏ nhặt, không to tát, anh vẫn chăm lo cho vợ con từ ngày cưới đến tết năm 2022 cuộc sống vẫn đầy đủ. Từ đầu năm 2022 đến nay anh vẫn chu cấp cho con đầy đủ chỉ không cho vợ tiền sinh hoạt vì chị Q không quan tâm đến anh mà quan tâm đến người đàn ông khác. Anh có đọc tin nhắn chị Q nhắn tin tình cảm cho người đàn ông kia nên anh không chu cấp tiền cho chị Q nữa. Anh vẫn nhắn tin, gọi điện cho chị Q hàng ngày, anh muốn chị Q quay về nhưng chị Q không đồng ý và mỗi lần anh về nhà ngoại ở Ninh Bình là chị Q lảng tránh và đi ngủ qua đêm không về. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, cho con có cuộc sống đầy đủ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017.

Anh không đồng ý cho chị Q một mình nuôi con. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Hiện nay cháu D đang ở với anh và ông bà nội ở xã Đào X, huyện Thanh T. Anh có dự định sẽ đưa cháu xuống Hà Nội để chăm sóc, cho cháu đi học, mẹ đẻ của anh sẽ xuống ở cùng để chăm sóc cháu.

Hiện nay công việc của anh là làm xây dựng, thu nhập trung bình hàng tháng là 15.000.000 đồng/tháng, anh vẫn thường xuyên về nhà ở Đào X.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: không có.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đào X xác định: Vợ chồng anh Đ chị Q trước đây có sinh sống tại địa phương. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi vã. Chị Q cùng con đã về nhà ngoại ở Ninh Bình sinh sống từ đầu năm 2021. Anh chị có một con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh năm 2017. Anh Đ là lao động tự do không thường xuyên ở địa phương mà đi làm ở Hà Nội. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 30/12/2022, Tòa án

nhân dân huyện Thanh T (TAND) đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Như Q được ly hôn anh Trần Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017 cho chị Bùi Như Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu D thành niên.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2023 anh Đ kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ-ST của TAND huyện Thanh T vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và xin được đoàn tụ, nếu ly hôn anh Đ xin nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ xin rút kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST của TAND huyện Thanh T và rút kháng cáo xin được đoàn tụ, chỉ đề nghị tòa phúc thẩm xin được nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Xuân Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu rút kháng cáo của anh Đ.

(Chi tiết tại bài phát biểu của Kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của anh Trần Xuân Đ là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Nội dung kháng cáo trong phạm vi xét xử của bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét nội dung này theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ xin rút kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST của TAND huyện Thanh T và rút kháng cáo xin

được đoàn tụ, xét thấy việc rút kháng cáo của anh Đ là tự nguyện phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận và nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ không xem xét đối với 2 nội dung kháng cáo trên.

Đối với kháng cáo xin được nuôi con chung Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Anh Đ và chị Q đều có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017. Xét thấy cả anh Đ và chị Q đều có công việc và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu D còn nhỏ, lại là con gái. Chị Q hiện đang ở nhà bố, mẹ đẻ điều kiện rất tốt, làm công việc gần nhà mức thu nhập hàng tháng ổn định là 8.000.000đồng. Phía anh Đ hiện tại công ty ở Hà Nội, anh Đ làm công việc xây dựng thuê theo vụ việc, không ổn định một chỗ, nhà ở đi thuê, thu nhập cũng phụ thuộc vào công việc, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện đầy đủ và quyết định giao cháu D cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với thực tế cũng như pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho trẻ em và phụ nữ khi ly hôn, đảm bảo cho cháu D cuộc sống tốt nhất cả về điều kiện vật chất cũng như tinh thần. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo xin nuôi con chung của anh Đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, Khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đ đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST của TAND huyện Thanh T và kháng cáo xin được đoàn tụ.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Xuân Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Như Q ly hôn anh Trần Xuân Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017 cho chị Bùi Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D thành niên.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Như Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006072 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Xuân Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0006133 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T, tỉnh Phú Thọ.

“Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND h.Thanh T;
- Chi cục THADS h.Thanh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đieu Thị Bích Lợt